

Tuần 12: 22/11 – 26/11/2021

**\*Yêu cầu 1:** HS đọc tài liệu kết hợp tham khảo SGK và điền vào các chỗ trống để hoàn thiện nội dung bài học.

**\*Yêu cầu 2:** Vận những kiến thức HS tự lĩnh hội được thông qua Nội dung bài học (ở mục A) để giải các bài tập (ở mục B).

**SỐ & ĐẠI SỐ 6**

**A.Tóm tắt nội dung bài học: (CHÉP VÀO TẬP BÀI HỌC)**

**BÀI 3: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ HAI SỐ NGUYÊN**

**1. Cộng hai số nguyên cùng dấu**

\*Quy tắc: (HS học SGK/57)

\*Tổng quát: Cho a, b là 2 số nguyên dương, ta có:

$$\begin{aligned} (+a) + (+b) &= a + b \\ (-a) + (-b) &= - (a + b) \end{aligned}$$

**VD1:** a)  $(+2) + (+3) = 2 + 3 = 5$

b)  $(-5) + (-4) = -(5+4) = -9$

**Thực hành 1:** (HS xem đề SGK/58)

a)  $4 + 7 = 11$

c)  $(-99) + (-11) = \dots\dots\dots = -\dots$

e)  $(-65) + (-35) = \dots\dots\dots = \dots$

b)  $(-4) + (-7) = - (\dots+\dots) = -\dots$

d)  $(+99) + (+11) = \dots\dots\dots$

**Vận dụng 1:** (HS xem đề SGK/58)

Bác Hà là khách quen của cửa hàng tạp hóa nhà bác Lan nên có thể mua hàng trước, trả tiền sau. Hôm qua bác Lan đã cho bác Hà nợ 80 nghìn đồng, hôm nay bác Hà lại muốn nợ 40 nghìn đồng nữa. Em hãy dùng số nguyên để giúp bác Lan ghi vào sổ số tiền bác Hà còn nợ bác Lan.

**Bài làm:**

Bác Hà nợ bác Lan 80 nghìn đồng được biểu diễn: **-80 (nghìn đồng)**

Bác Hà nợ bác Lan 40 nghìn đồng được biểu diễn:  $\dots\dots\dots$  (nghìn đồng)

=> **Tổng số tiền bác Hà nợ bác Lan là:**

$(\dots) + (\dots) = -\dots$  (nghìn đồng)

**2. Cộng hai số nguyên khác dấu**

**a) Cộng hai số đối nhau**

\*Tổng của hai số nguyên đối nhau luôn luôn bằng 0:

$$a + (-a) = 0$$

**VD2:**  $(-4) + (+4) = 0$

**Vận dụng 2:** (HS xem đề SGK/58)

Thẻ tín dụng trả sau của bác Tám đang ghi nợ 2 000 000 đồng, sau khi bác Tám nộp vào 2 000 000 đồng thì bác Tám có

**Bài làm:**

Thẻ tín dụng của bác Tám ghi nợ 2 000 000 đồng được biểu diễn: - 2 000 000 (đồng).

Bác Tám nạp vào thẻ 2 000 000 đồng được biểu

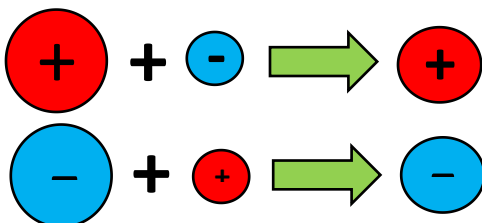
bao nhiêu tiền trong tài khoản? Hãy dùng số nguyên để giải thích.

diễn: ..... (đồng).  
 => **Số tiền bác Tám có trong tài khoản là:**  
 .....+.....= ... (đồng).  
 Bởi vì .....và ..... là hai số đối nhau.

**b) Cộng hai số nguyên không đối nhau:**

\*Quy tắc: (HS học SGK/59)

\*Chú ý: (HS tham khảo SGK/59)



**VD3:** a)  $97 + (-83) = 97 - 83 = 14$  (vì  $97 > 83$ )  
 b)  $22 + (-64) = -(64 - 22) = -42$  (vì  $64 > 22$ )

**Thực hành 2:** (HS xem đề SGK/60)

- a)  $4 + (-7) = -(7 - 3) = \dots$
- b)  $(-5) + 12 = \dots - \dots = \dots$
- c)  $(-25) + 72 = \dots - \dots = \dots$
- d)  $49 + (-51) = -(\dots - \dots) = \dots$

**Vận dụng 3:** (HS xem đề SGK/60)

Một tòa nhà có 8 tầng được đánh số theo thứ tự là 0 (tầng mặt đất), 1, 2, 3, ..., 7 và 3 tầng hầm được đánh số là -1; -2; -3. Em hãy dùng phép cộng các số nguyên để diễn tả 2 tình huống sau đây:

- a) Một thang máy đang ở tầng -3, nó đi lên 5 tầng. Hỏi thang máy dừng lại tại tầng mấy?
- b) Một thang máy đang ở tầng 3, nó đi xuống 5 tầng. Hỏi thang máy dừng lại ở tầng mấy? (Ở một số tòa nhà, tầng mặt đất còn được gọi là tầng G)

**Bài làm:**

- a) Ta có:  $(-3) + \dots = \dots = \dots$   
 => **Thang máy dừng lại ở tầng ....**
- b) Ta có  $3 + \dots = \dots = \dots$   
 => **Thang máy dừng lại ở tầng hầm...**

**B. Bài tập tự luyện (LÀM VÀO TẬP BÀI TẬP)**

Làm các bài tập 1, 2, 3 (SGK/63); 4 (SGK/64)

**C. Hướng dẫn bài tập tự luyện:**

BT 1 (SGK/63): HS điền vào SGK

BT 2 (SGK/63): Áp dụng quy tắc cộng 2 số nguyên cùng dấu, khác dấu để tính

**THỐNG KÊ 6**




BT 3 (SGK/63); BT 4 (SGK/64): Làm tương tự các bài tập Vận dụng

**A.Tóm tắt nội dung bài học: (CHÉP VÀO TẬP BÀI HỌC)**

**BÀI 3: BIỂU ĐỒ TRANH**

**1. Ôn tập và bổ sung kiến thức.**

\***Biểu đồ tranh** sử dụng biểu tượng hoặc hình ảnh để thể hiện dữ liệu. Biểu đồ tranh có tính trực quan, dễ hiểu. Trong biểu đồ tranh, một biểu tượng (hoặc hình ảnh) có thể thay thế cho một số các đối tượng.

**VD1:** Trong biểu đồ tranh ở Hình 1 (SGK/104), mỗi biểu tượng  chỉ thay thế cho 1 học sinh nhưng trong biểu đồ tranh ở Hình 2 (SGK/105), mỗi biểu tượng  thay thế cho 500 chiếc ti vi và mỗi biểu tượng  thay thế cho 250 chiếc ti vi

**2. Đọc biểu đồ tranh**

\*Để đọc và mô tả dữ liệu ở dạng biểu đồ tranh, trước hết ta cần xác định một hình ảnh (biểu tượng) thay thế cho bao nhiêu đối tượng. Từ số lượng hình ảnh (biểu tượng), ta sẽ có số đối tượng tương ứng.

**VD2:** Trong biểu đồ tranh ở Hình 2 (SGK/105) cho biết số ti vi bán được trong các năm của siêu thị điện máy A như sau:

**Số ti vi bán được của siêu thị điện máy A**

Năm	Số ti vi bán được
2016	$2 \times 500 = 1\ 000$
2017	$3 \times 500 = 1\ 500$
2018	$1 \times 500 + 1 \times 250 = 750$
2019	$4 \times 500 = 2\ 000$
2020	$6 \times 500 = 3\ 000$

*HS tham khảo bảng này trong SGK/106, không chép vào tập.*

**Vận dụng:** (HS xem đề SGK/106)

Hãy đọc biểu đồ để trả lời các câu hỏi sau

a) Loại quả được học sinh khối lớp 6 yêu thích nhiều nhất là:.....

b) Loại quả được các bạn học sinh khối lớp 6 yêu thích ít nhất là:.....

c) Số lượng học sinh yêu thích đối với từng loại quả là:

Táo:  $10.2 + 5 = 25$  (học sinh)

Chuối: .....

Dưa hấu: .....

Cam: .....

Bưởi: .....


**3. Vẽ biểu đồ tranh**

\*Cách vẽ: HS tham khảo SGK/107

**VD3:** Từ Bảng thống kê về số học sinh lớp 6C đạt điểm 10 trong tuần (SGK/107), ta vẽ được biểu đồ tranh như sau

Ngày	Số điểm 10 các bạn học sinh lớp 6C nhận được
Thứ Hai	
Thứ Ba	
Thứ Tư	
Thứ Năm	
Thứ Sáu	

*HS tham khảo biểu đồ tranh trong SGK/107, không chép vào tập.*

 = 3 học sinh

**Thực hành:** (HS xem đề SGK/107)

Màu xe đạp	Số xe bán được trong tháng
Xanh dương	
Xanh lá cây	
Đỏ	
Vàng	
Trắng bạc	

**B. Bài tập tự luyện** (LÀM VÀO TẬP BÀI TẬP)

Làm các bài tập 1, 2 (SGK/108); 3 (SGK/109)

**C. Hướng dẫn bài tập tự luyện:**

BT 1+2 (SGK/108): Làm tương tự bài tập Vận dụng ở mục 2.

BT 3 (SGK/109): Làm tương tự bài tập Thực hành ở mục 3.